TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST,
Ngày 19/6/2018,
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2/. Ông **Nguyễn Văn Thử**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân,** cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Không tham gia

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 60A/2018/QĐ-ST ngày 01/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V);**

Địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72 phố Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông **Lê Hiền T** – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An Ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V) theo văn bản ủy quyền số 06 ngày 08/02/2017.

Người được ủy quyền là bà **Nguyễn Ngọc Nguyệt H** - Nhân viên ,địa chỉ: Số 25/28, đường Lý Tự Trọng, khóm 1, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt). Theo giấy ủy quyền số 10/2018/UQ-GĐK-TDTD, ngày 16/01/2018.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Nguyệt L**, sinh năm 1981, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, người được ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Nguyệt H trình bày: Vào ngày 27/01/2015, bà Trần Thị Nguyệt L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V), vay với số tiền 26.250.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị Nguyệt L có trách nhiệm thanh toán số tiền 41.547.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 26 tháng. 25 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.598.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.597.000 đồng thanh toán vào ngày 28 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 28/01/2015. Thực hiện hợp đồng khách hàng đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 06 lần với tổng số tiền đã trả là 9.520.000 đồng. Kể từ ngày 20/01/2016 bà Trần Thị Nguyệt L không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở yêu cầu bà L thanh toán.

Do bà Trần Thị Nguyệt L trễ hạn thanh toán, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt L trả cho Ngân hàng một lần với số tiền 31.896.656 đồng. Trong đó dư nợ gốc còn lại là: 22.205.339 đồng.

Đối với bà Trần Thị Nguyệt L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải, nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Nguyệt L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cở sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V) về việc khởi kiện bà Trần Thị Nguyệt L tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để yêu cầu trả tiền vay vốn và tiền lãi suất còn lại. Cho thấy, đây là loại kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng và Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi bị đơn là bà Trần Thị Nguyệt L cư trú nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định của pháp luật.

[2]Xét về nội dung cho thấy: theo hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V), vay với số tiền 26.250.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị Nguyệt L có trách nhiệm thanh toán số tiền 41.547.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 26 tháng. 25 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.598.000 đồng, tháng cuối

cùng trả 1.597.000 đồng thanh toán vào ngày 28 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 28/01/2015.

[3]Như vậy, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Trần Thị Nguyệt L có giao kết vay tiền 26.250.000 đồng. Đây là hợp đồng tín dụng có lãi suất, các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện hợp đồng, theo đó bên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (bên cho vay) đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản là tiền 26.250.000 đồng cho bà Trần Thị Nguyệt L (bên nhận vay) đã nhận tiền vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền cho Ngân hàng nên bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, cần buộc bà Trần Thị Nguyệt L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền vốn và lãi 31.896.656 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn bà Trần Thị Nguyệt L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 theo quy định pháp luật.

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc yêu cầu bà Trần Thị Nguyệt L trả tiền vay và tiền lãi suất;

Buộc bà Trần Thị Nguyệt L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ tổng cộng là: 31.896.656 đồng, gồm 22.205.339 đồng tiền nợ gốc và 9.691.317 đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày 20/6/2018, bà Trần Thị Nguyệt L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Trần Thị Nguyệt L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Nguyệt L phải chịu 1.595.000 đồng án phí có giá ngạch (đã tính tròn số).

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 797.000 đồng theo biên lai số 0003883 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Nhẫn